

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TRONG XÁC ĐỊNH NỘI DUNG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

PGS.TS. VŨ TRỌNG RỸ - PGS.TS. ĐỖ TIẾN ĐẠT

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Mở đầu

Trước mỗi cuộc cải cách hay đổi mới giáo dục, một trong các câu hỏi cốt lõi đặt ra là dạy cái gì trong nhà trường phổ thông, hay nói khác đi là cần xác định những nội dung nào cần dạy học trong nhà trường phổ thông? Có thể nói, đây là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu khi xây dựng chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT).

Để xác định nội dung dạy học nói chung hay nội dung dạy học các môn học cũng như nội dung các hoạt động giáo dục cụ thể trong CTGDPT nói riêng cần có những nghiên cứu xác định rõ khái niệm và cấu trúc của nội dung dạy học, chỉ ra các nguồn và để xuất các nguyên tắc, tiêu chuẩn để lựa chọn nội dung dạy học trên cơ sở tham khảo, học hỏi một cách có chọn lọc và có hệ thống kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng CTGDPT, có tính đến điều kiện cụ thể về văn hóa, xã hội và đặc điểm của học sinh Việt Nam.

Sau đây chúng tôi xin bàn về một số vấn đề lý luận trong xác định nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông.

2. Cách tiếp cận “văn hóa – xã hội” trong xác định nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông

Trước hết, chúng ta bàn về việc xác định nội dung dạy học dựa trên cách tiếp cận “văn hóa – xã hội”. Cơ sở khoa học của cách tiếp cận này là lý thuyết về xác định nội dung văn hóa phổ thông được đề xuất bởi các nhà giáo dục văn hóa Xô-viết nổi tiếng như Lecne, Xcatnik, Kraevski, Lednev. Lý thuyết này xuất phát từ chỗ cho rằng muốn duy trì và phát triển xã hội, thế hệ đi sau phải lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội mà thế hệ đi trước đã tích lũy và truyền lại, đồng thời thế hệ sau làm phong phú thêm những kinh nghiệm đó. *Nội dung dạy học được xem như kinh nghiệm xã hội của nhân loại được làm thích ứng về phương diện sự phạm, nó đồng nhất về cấu trúc với văn hóa nhân loại.*

Khi phân tích *kinh nghiệm xã hội* có thể nhận thấy 4 yếu tố cơ bản như sau:

- Những tri thức mà xã hội đã đạt được về tự nhiên, xã hội, tư duy, về kỹ thuật và các phương pháp, cách thức hoạt động;
- Kinh nghiệm thực hiện các biện pháp, phương cách phổ biến của hoạt động. Kinh nghiệm này được thể hiện ở những kỹ năng và kỹ xảo của cá nhân đã nắm được nó;
- Kinh nghiệm hoạt động sáng tạo, tìm kiếm trong việc giải quyết các vấn đề mới xuất hiện trước xã hội;
- Kinh nghiệm quan hệ với thế giới và đối với

nhau hay là hệ thống giá trị về xúc cảm ý chí, đạo đức, thẩm mỹ.

Việc lĩnh hội yếu tố đầu tiên của kinh nghiệm xã hội sẽ đảm bảo cho việc hình thành bức tranh thế giới và trang bị phương pháp luận về hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nói một cách khác, các tri thức dùng làm công cụ cho bất kỳ hoạt động nào. Việc lĩnh hội yếu tố thứ hai cho phép thế hệ mới thực hiện tái tạo văn hóa và bảo vệ nó. Sự lĩnh hội yếu tố thứ ba sẽ đảm bảo cho việc phát triển tiếp tục văn hóa, sự phát triển đó chỉ có thể có được nếu có hoạt động sáng tạo. Lĩnh hội yếu tố thứ tư có tác dụng điều khiển, điều chỉnh hoạt động của con người cho phù hợp với nhu cầu và do đó lại mở rộng phạm vi của các nhu cầu này, mở rộng hệ thống giá trị, động cơ hoạt động, nghĩa là mở rộng tất cả các biểu hiện của thái độ cảm xúc đối với hoạt động, với sản phẩm của hoạt động và với con người.

Mỗi yếu tố thực hiện một chức năng riêng biệt của mình không thể thay thế bằng chức năng khác trong việc hình thành nhân cách. Các yếu tố trước có thể tồn tại tách biệt với các yếu tố sau, mỗi yếu tố sau không thể có được khi thiếu yếu tố trước. Có thể hiểu (về nhận thức) nhưng không biết làm. Có thể nhận thức, biết làm, biết thực hiện một số biện pháp hoạt động nhưng không sẵn sàng sáng tạo (không có khả năng sáng tạo). Đối với một hoạt động nhất định, việc nhận thức được, biết làm, sáng tạo được đặt trong các mối quan hệ khác nhau. Mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố biểu hiện ở chỗ, việc lĩnh hội, nắm vững mỗi một yếu tố đều ảnh hưởng đến cấp độ và chất lượng của sự lĩnh hội các yếu tố khác.

Điều trình bày ở trên cho thấy rằng, để tái tạo và phát triển tiếp tục văn hóa, cần thiết phải đưa vào nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông tất cả những yếu tố chỉ ra ở trên của văn hóa chứ không phải chỉ có hệ thống tri thức. Và như vậy, có thể hiểu *nội dung dạy học sẽ bao gồm 4 thành phần:*

1/ Hệ thống các tri thức về tự nhiên, về xã hội, tư duy, về kỹ thuật, về những biện pháp, cách thức hoạt động mà việc lĩnh hội các tri thức này sẽ đảm bảo cho việc hình thành có ý thức ở học sinh một bức tranh duy vật biện chứng của thế giới, trang bị cho họ những quan điểm phương pháp luận đúng đắn đối với hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn;

2/ Hệ thống các kỹ năng, kỹ xảo chung về trí tuệ và thực hành, hệ thống đó là cơ sở của tập hợp các hoạt động cụ thể và làm cho thế hệ trẻ có năng lực gìn giữ, bảo toàn nền văn hóa;



3/ *Kinh nghiệm hoạt động sáng tạo*, những nét đặc trưng cơ bản của hoạt động này loài người đã dần dần tích lũy được trong quá trình phát triển hoạt động thực tiễn – xã hội, kinh nghiệm sáng tạo đảm bảo cho thế hệ trẻ có năng lực phát triển tiếp tục nền văn hoá;

4/ *Kinh nghiệm thái độ cảm xúc – đánh giá* đối với thế giới, đối với con người. Kinh nghiệm này cùng với các tri thức và kĩ năng là điều kiện của các niềm tin, là điều kiện của việc hình thành ở nhân cách hệ thống giá trị.

Tuy nhiên, việc thực hiện chức năng của các yếu tố của nội dung dạy học phụ thuộc vào tính vừa sức đối với học sinh, vào dung lượng cụ thể của nội dung và sự phù hợp với các mục đích giáo dục – dạy học của nhà trường.

Do đó, có thể nói: "*Nội dung dạy học trong nhà trường có thể được xác định như là một hệ thống các tri thức, kĩ năng, những cách thức hoạt động, những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo và thái độ cảm xúc – đánh giá đối với thế giới phù hợp về mặt sự phạm và được định hướng về mặt chính trị*" [1].

Nói cách khác, hệ thống này được định hướng theo mục tiêu giáo dục và được sắp xếp, cấu trúc theo một hệ thống quan điểm sự phạm nhất định. Việc lĩnh hội hệ thống này cho phép hình thành nhân cách phát triển hài hoà, sẵn sàng bước vào cuộc sống tái tạo và phát triển văn hoá vật chất và tinh thần của xã hội.

3. Cách tiếp cận "năng lực" trong xác định nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông

Hiện nay, xu thế chung của nhiều nước trên thế giới trong xác định nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông là theo tiếp cận "năng lực". Theo đó, nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông cần được lựa chọn từ các thành tố cấu trúc của nền văn hóa nhân loại nhằm hình thành và phát triển các năng lực then chốt cũng như các năng lực đặc thù có yếu tố môn học (năng lực chuyên biệt) ở học sinh để thực hiện giáo dục và học tập suốt đời. Tiếp cận này được gọi là *tiếp cận năng lực*. Tư tưởng cơ bản của tiếp cận năng lực là:

- Các năng lực chung, cơ bản có tính "then chốt" sẽ được đưa vào cơ sở của nội dung dạy học, nhưng không đối lập năng lực với kiến thức. Năng lực bao hàm cả kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo, không những thế còn cả động cơ, đạo đức và hành vi xã hội;

- Các năng lực được hình thành trong quá trình dạy học và không chỉ ở trong nhà trường mà còn dưới tác động của gia đình, xã hội, của chính trị, tôn giáo, văn hoá v.v.;

- Có nhiều năng lực, trong đó có những năng lực chung, cơ bản có tính "then chốt". Vấn đề lựa chọn các năng lực "then chốt" là vấn đề trọng tâm đối mới nội dung học vấn ở trường phổ thông. Năng lực "then chốt" là năng lực thực hiện nhiều chức năng như năng lực trong hoạt động nhận thức độc lập, năng

lực trong hoạt động xã hội - công dân, năng lực trong hoạt động lao động xã hội, năng lực trong cuộc sống hàng ngày, năng lực trong hoạt động giải trí - văn hoá;

Để đưa ra phương án xây dựng nội dung dạy học cho nhà trường phổ thông theo tiếp cận năng lực cần phải xem xét cụ thể những đặc điểm của mỗi yếu tố của nội dung dạy học.

Trước đây, lựa chọn nội dung dạy học cho nhà trường phổ thông chú trọng nhiều hơn đến dạng thứ nhất (hệ thống các tri thức). Theo quan điểm tiếp cận năng lực, cấu trúc nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông vẫn gồm bốn thành tố, song các dạng học vấn thứ hai, thứ ba và thứ tư sẽ chiếm một tỉ lệ lớn hơn so với trước, đặc biệt là dạng học vấn thứ ba - kinh nghiệm hoạt động sáng tạo. Việc lựa chọn hệ thống tri thức, kĩ năng đưa vào nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông phải xuất phát từ cấu trúc của các năng lực định hình thành và phát triển ở học sinh và cái đích cuối cùng là phải hình thành được các năng lực này ở các em.

4. Vấn đề xác định nội dung dạy học trong CTGDPT mới

4.1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông

Như trên đã trình bày, để xác định nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông cần xuất phát từ vốn tri thức văn hóa – xã hội (kinh nghiệm xã hội của nhân loại); căn cứ mục tiêu giáo dục và hệ thống quan điểm sự phạm; xuất phát từ cấu trúc của các năng lực cần hình thành và phát triển ở học sinh. Trên cơ sở đó, tiến hành tính toán, chọn lựa, xử lí sự phạm để đưa vào nhà trường phổ thông, thông qua một hệ thống các lĩnh vực học tập/môn học và hoạt động giáo dục. Để thực hiện tiến trình này, một trong các công việc cần thiết là chỉ ra các nguồn và đề xuất các nguyên tắc, các tiêu chuẩn để lựa chọn nội dung dạy học. Vì vậy, nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông phải phản ánh được:

- Những giá trị cơ bản của dân tộc, của đất nước được lưu giữ trong truyền thống văn hóa, lịch sử của dân tộc, của gia đình, được lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, bảo đảm cho sự phát triển của đất nước trong thời kì hiện đại;

- Những kĩ năng hành động phổ quát mà quá trình giáo dục cần hình thành cho người học, bao gồm: các dạng hoạt động học tập, nhận thức và giao tiếp, tương thích với yêu cầu về kết quả đầu ra (mong đợi) của GDPT;

- Hệ thống những tri thức khoa học nền tảng mang tính chất phương pháp luận nhất thiết phải được nghiên cứu trong nhà trường phổ thông. Đó là những sự kiện, khái niệm, ý tưởng, phương pháp, lí thuyết, định lí (thậm chí kể cả đó là những tính chất phổ quát liên quan đến các lĩnh vực tri thức và văn hoá chuyên biệt) bắt buộc phải được đưa vào nghiên cứu trong nhà trường phổ thông. Những tri thức khoa học phổ thông này, nếu thiếu sự hiểu biết về chúng

hoặc không được làm quen ở một mức độ nào đó thì có thể nói những học sinh ở thế kỉ XXI không thể được coi là có đủ tri thức để có thể tiếp tục được quá trình giáo dục và phát triển nhân cách.

Nhà trường phổ thông có nhiệm vụ trang bị cho học sinh các yếu tố văn hoá đó thông qua quá trình dạy học có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, được tính toán chọn lọc. Tuy nhiên, nhà trường không thể đáp ứng tất cả mọi nhu cầu của cá nhân người học, của gia đình và xã hội. Nhà trường chỉ có thể cung cấp cho người học những tri thức nền tảng của học vấn phổ thông. Đối với mỗi con người, học vấn phổ thông có được không chỉ là kết quả của giáo dục nhà trường mà còn là kết quả của giáo dục ngoài nhà trường, đó không chỉ là tổng số những tri thức, kĩ năng mà còn là hệ thống các phẩm chất năng lực cần thiết.

Ở giai đoạn Giáo dục cơ bản, thành phần cốt lõi của nội dung dạy học phải là các kiến thức, kĩ năng cần thiết cho cuộc sống hiện tại của học sinh và cuộc sống sau này với tư cách là một công dân bình thường. Ở Giáo dục định hướng nghề nghiệp, nội dung dạy học cần được tổ chức thành các môn học và hoạt động giáo dục với nhiều phương án thực hiện để tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn cho học sinh phù hợp với khả năng, sở thích và điều kiện học tập cụ thể của các em.

Chúng tôi tán thành quan niệm này bởi lẽ nó phản ánh quan điểm: để xác định nội dung dạy học trong nhà trường phổ thông, cần xuất phát từ vốn tri thức văn hóa nhân loại, tiến hành chọn lựa, xử lí sự phạm và đưa vào nhà trường dưới dạng một hệ thống các lĩnh vực học tập/môn học và hoạt động giáo dục, được chuẩn hóa bởi việc quy định chuẩn đầu ra cho một "tập hợp" các kiến thức, kĩ năng và thái độ.

Nhiều hệ thống giáo dục trên thế giới tổ chức CTGDPT xung quanh các lĩnh vực học tập. Ví dụ, một CTGDPT bao gồm các lĩnh vực như: Ngôn ngữ và giao tiếp (bao gồm cả ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai); Toán; Khám phá và hiểu biết về tự nhiên và xã hội; Phát triển cá nhân và xã hội (bao gồm cả giáo dục nghề thuật, giáo dục công dân, giáo dục đạo đức và giáo dục thể chất). Nội một cách khái quát, có thể lựa chọn các lĩnh vực học tập liên quan đến: Ngôn ngữ, Toán, Tự nhiên, Xã hội và Con người.

4.2. Đề xuất các lĩnh vực học tập trong CTGDPT mới

Hiện nay, vẫn còn phổ biến quan niệm coi môn học như là một hệ thống kiến thức cơ bản và quan trọng nhất được rút ra từ một khoa học tương ứng. Nó phản ánh hệ thống kiến thức khoa học dưới dạng các khái niệm, định luật, học thuyết, sự kiện, logic của khoa học, các phương pháp nhận thức khoa học, những xu hướng phát triển của khoa học. Đó cũng là một trong nhiều lí do khách quan và chủ quan khiến CTGDPT hiện hành vẫn còn chịu ảnh hưởng của một số nhược điểm như: lấy khoa học tương ứng làm trọng tâm, chưa thực sự xuất phát từ các năng lực cần hình

thành và phát triển ở người học. Tuy nhiên, hình thức thể hiện nội dung khoa học của môn học mới là điểm mấu chốt để phân biệt với lĩnh vực khoa học tương ứng. Bản lĩnh, trình độ nghề nghiệp của nhà sư phạm thể hiện ở chỗ: tìm kiếm và sáng tạo hình thức thể hiện nội dung khoa học phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của người học, phù hợp với định hướng phát triển năng lực người học.

Mỗi môn học do một số chủ đề nội dung tạo thành. Các chủ đề vừa độc lập với nhau lại vừa phản ánh mối liên hệ logic về nội dung môn học. Mỗi chủ đề đều có mục tiêu giáo dục rõ ràng và xoay quanh một nội dung nhất định, gắn kết kinh nghiệm của học sinh với nội dung tương ứng, tạo thành đơn nguyên học tập tương đối hoàn chỉnh; mỗi chủ đề đều đề ra yêu cầu đối với hoạt động dạy học của giáo viên và phương thức học tập của học sinh.

Trên cơ sở các lí thuyết về tiếp cận "văn hóa - xã hội", tiếp cận "năng lực", tiếp cận "mục tiêu", và yêu cầu của Chuẩn Giáo dục phổ thông (GDPT), các nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam trong giai đoạn từ 2010 đến 2014 đã đề xuất cấu trúc nội dung dạy học, các lĩnh vực học tập trong CTGDPT mới sẽ bao gồm các lĩnh vực sau: 1/ Ngôn ngữ (Tiếng Việt - Ngoại ngữ); 2/ Toán; 3/ Khoa học tự nhiên; 4/ Khoa học xã hội - nhân văn; 5/ Công nghệ; 6/ Nghề thuật; 7/ Giáo dục công dân - Đạo đức; 8/ Giáo dục Thể chất;

Lĩnh vực ngôn ngữ bao gồm tiếng Việt, tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số. Lĩnh vực khoa học tự nhiên bao gồm các tri thức về Vật lí, Hóa học, Sinh học, Khoa học về Trái đất và vũ trụ. Lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn bao gồm các tri thức về Văn học, Lịch sử, Địa lí. Lĩnh vực công nghệ bao gồm tri thức về kĩ thuật phổ thông và tin học. Lĩnh vực giáo dục thể chất bao gồm kĩ năng thể dục, thể thao và hiểu biết về bảo vệ sức khỏe. Lĩnh vực giáo dục đạo đức - công dân bao gồm hoạt động công ích, hoạt động chính trị - xã hội.

Nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông được tổ chức theo hai giai đoạn: giai đoạn **Giáo dục cơ bản** và giai đoạn **Giáo dục định hướng nghề nghiệp** chuẩn bị cho học sinh đi vào cuộc sống, học nghề, hoặc học lên cao đẳng, đại học.

Ở giai đoạn Giáo dục cơ bản, học sinh được tiếp nhận những kiến thức, kĩ năng phổ thông cơ bản cần thiết cho mỗi con người sống trong xã hội hiện đại. Ở giai đoạn Giáo dục định hướng nghề nghiệp, nội dung dạy học không áp dụng đồng loạt cho mọi học sinh, có nhiều phương án thực hiện để tạo ra nhiều cơ hội lựa chọn cho học sinh.

Căn cứ dự kiến thời lượng có thể dành cho dạy học, nhà trường xác định những lĩnh vực học tập cốt lõi và thể hiện ở một số môn học và hoạt động giáo dục. Các yêu cầu và ý tưởng nói trên được cụ thể hóa thông qua một **Kế hoạch giáo dục** nhằm định hướng tổ chức nội dung dạy học ở nhà trường phổ thông.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Minh Phương, (1996), *Về việc xác định nội dung dạy học theo định hướng phát triển năng lực ở người học*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 5/1996.
- [2]. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ: "Xu thế phát triển nội dung học vấn phổ thông ở Việt Nam sau năm 2015", (2010), Mã số B2007-37-35, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Ngọc Bảo (Chủ biên), Trần Kiểm, (2008), *Lí luận dạy học ở trường Trung học cơ sở*, NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Đỗ Tiến Đạt, (2013), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng Chuẩn giáo dục phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 96, tháng 9/2013.
- [5]. Н.Ф. Голованова, (2005), *Общая педагогика (учебное пособие для вузов)*, Речь, Санкт Петербург.
- [6]. UNESCO, (2013), *International Bureau of Education - Glossary of Curriculum Terminology*,

Draft (Consultation version) – 31 May 2013.

SUMMARY

The article analyzes 'cultural – social' and 'competence' approaches in determining contents taught at general schools. Basing on the following elements: cultural-intellectual capital, objectives of education and pedagogical perspective; structure of students' competence formation and development. Then, conducting selection, processing pedagogy issue and applying into schools, through learning areas/ subjects and educational activities, standardized by output requirements in terms of minimum knowledge, skills and attitudes. These findings will contribute to theoretical development for innovative curriculum and textbooks at the current general education.

Keywords: secondary education, contents of teaching, competence.

CON ĐƯỜNG CẢI CÁCH... (Tiếp theo trang 2)

Xét về logic, việc ban hành các nghị định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 115 đối với các viện công lập và Nghị định 43 đối với các tổ chức sự nghiệp công lập, áp dụng cho các trường đại học công lập cần được đánh giá là một chiến lược tổng thể chứ không phải đi vào những biện pháp cụ thể, riêng lẻ.

Việt Nam đã qua ba thập niên cải cách kinh tế để chuyển từ một hệ thống kinh tế do Nhà nước nắm quyền chỉ huy duy nhất sang một nền kinh tế đa thành phần. KH&GD cũng đã có những bước chuyển mình cơ bản sang một hệ thống KH&GD đa thành phần, không còn thuộc sở hữu và quyền chỉ huy duy nhất của nhà nước nữa. Đã đến lúc đủ điều kiện chín muồi cho một công cuộc cải cách tổng thể hệ thống quản lí KH&GD theo mô hình tự trị, là xu thế chung của hệ thống KH&GD trên thế giới.

6. Kết luận

- Cải cách KH&GD là công việc cần thiết không chỉ ở Việt Nam mà là mối quan tâm của cộng đồng KH&GD trên thế giới. Nói như Peter Drucker, để chuyển từ các nhà trường *của* xã hội đến các nhà trường *trong* xã hội, nghĩa là từ các nhà trường *tha trị* sang các nhà trường *tự trị*.

- Việt Nam đã và đang bắt đầu những bước đi quan trọng, đó là xác lập quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các tổ chức KH&GD, mở đầu bởi các Nghị định 115 đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định 43 đối với tổ chức sự nghiệp công lập, trong đó có các trường đại học công lập. Những bước khởi đầu này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vì **mục tiêu** tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa được hỗ trợ

bởi các **phương tiện** đi kèm.

- Nghị định 115 và Nghị định 43 là bước khởi đầu đi vào quỹ đạo của một nền KH&GD tự trị. Chúng ta hi vọng hệ thống KH&GD ở nước ta sẽ tiếp tục con đường phát triển phù hợp với tiến trình phát triển chung của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Alvin Toffler, (1996), *Đợt sóng thứ ba* (Bản dịch tiếng Việt), NXB Khoa học Xã hội.
- [2]. Alvin Toffler, (1996), *Future Shock*.
- [3]. Peter Drucker, (1996), *Post-Capitalist Society*.

SUMMARY

The article refers to the renewal path in science and education. The author's viewpoint is educational renewal could not be apart from scientific management as these sectors rely on each other to survive and develop: science was to produce knowledge for human beings; education was transfer knowledge volume to them. Without educational science, nothing to be taught, by contrast, without education, the science was not introduced to apply. The international renewal trend of science and education management moved from the education-science heteronomy into its autonomy. Viet Nam is not outside the orbit, except for long starting point; therefore, Vietnam will have to go a long distance.

Keywords: science, education, educational management, renewal, heteronomy, autonomy.